



Phụ lục II:
DANH SÁCH 196 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ NGUỒN DỮ LIỆU
ĐANG KHAI THÁC TỪ CÁC BỘ NGÀNH SỬ DỤNG ĐỂ CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Chỉ thị số 24 /CT-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2025)

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.00016	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.004474	Thành lập trường cao đẳng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.000145	Cho phép thành lập trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
				chứng nhận quyền sử dụng đất)			
5	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam Người nước ngoài Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Thi, tuyển sinh
6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.005293	Cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam Doanh nghiệp Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2.001914	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.000243	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục nghề nghiệp
10	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.005138	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ tại cấp Bộ	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
12	Bộ Ngoại giao	1.00102	Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
13	Bộ Ngoại giao	2.000698	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, huỷ việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
14	Bộ Ngoại giao	1.001121	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa các công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với nhau	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
15	Bộ Ngoại giao	1.010094	Thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông (không gắn chip điện tử) tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam	Công tác lãnh sự
16	Bộ Ngoại giao	1.000736	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
17	Bộ Ngoại giao	2.000616	Thủ tục đăng ký lại việc tử	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
18	Bộ Ngoại giao	2.000785	Thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cơ quan khác	Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Quốc tịch
19	Bộ Ngoại giao	2.000608	Thủ tục đăng ký lại việc sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp (khai sinh), Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
20	Bộ Ngoại giao	2.000702	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ con; nuôi con nuôi; khai tử; và những thay đổi khác)	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
21	Bộ Ngoại giao	2.000527	Thủ tục đăng ký khai tử cho công dân Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
22	Bộ Ngoại giao	2.000682	Thủ tục đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với nhau hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
23	Bộ Ngoại giao	2.000712	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
24	Bộ Ngoại giao	2.000507	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
25	Bộ Ngoại giao	2.002352	Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam	Công tác lãnh sự
26	Bộ Ngoại giao	1.000808	Thủ tục đăng ký việc nhận nuôi con nuôi giữa người nhận nuôi là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với trẻ em được nhận nuôi là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
27	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.01276	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
						ngành, HTX); Tổ chức nước ngoài	
28	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
29	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Đất đai
30	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012765	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất,	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
			quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng				
31	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012761	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) Tổ chức nước ngoài	Đất đai
32	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Đất đai
33	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012776	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
34	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.01282	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (Cấp Tỉnh)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
35	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012807	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Đất đai
36	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012788	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
37	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
						gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	
38	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012814	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Đất đai
39	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
40	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012779	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
41	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Đất đai
42	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.009482	Công nhận khu vực biển Cấp Tỉnh, Cấp xã	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Biển và hải đảo
43	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012754	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai
44	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.01275	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam Doanh nghiệp Người nước ngoài Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) Tổ chức nước ngoài	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
45	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) Tổ chức nước ngoài	Đất đai
46	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012772	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
47	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy	Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Biển và hải đảo

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
				chứng nhận quyền sử dụng đất)			
48	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai
49	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012771	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam	Đất đai
50	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
51	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012066	Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Trồng trọt
52	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
53	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
54	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012752	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
55	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Đất đai
56	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam Doanh nghiệp Hợp tác xã Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
57	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012815	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai
58	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Đất đai
59	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
60	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012813	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Đất đai
61	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.00948	Công nhận khu vực biển cấp Bộ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã	Biển và hải đảo
62	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai
63	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh	Đất đai

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
						ngành, HTX); Tổ chức nước ngoài	
64	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012794	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đất đai
65	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1.012819	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Đất đai
66	Bộ Nội vụ	1.00497	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nam nghỉ việc khi vợ sinh con, người chồng khi lao động nữ mang thai hộ sinh con	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Bảo hiểm xã hội
67	Bộ Nội vụ	1.000941	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ mang thai hộ khi sinh con	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Bảo hiểm xã hội
68	Bộ Nội vụ	1.01082	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
69	Bộ Nội vụ	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công
70	Bộ Nội vụ	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công
71	Bộ Nội vụ	1.000909	Hưởng chế độ thai sản đối với người mẹ nhờ mang thai hộ khi lao động nữ mang thai hộ sinh con	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Bảo hiểm xã hội
72	Bộ Nội vụ	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công
73	Bộ Nội vụ	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công
74	Bộ Nội vụ	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công
75	Bộ Nội vụ	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần	Bộ Tư pháp (khai sinh, khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
76	Bộ Nội vụ	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Người có công
77	Bộ Nội vụ	1.000975	Hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ sinh con	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Bảo hiểm xã hội
78	Bộ Quốc phòng	1.008267	Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý vùng trời
79	Bộ Quốc phòng	1.001821	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Nghĩa vụ quân sự
80	Bộ Quốc phòng	2.001603	Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý vùng trời
81	Bộ Quốc phòng	1.011064	Thủ tục trợ cấp cho Dân quân tự vệ không tham gia bảo hiểm xã hội nếu bị tai nạn, chết	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã; Cơ quan khác	Công dân Việt Nam	Dân quân tự vệ

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
82	Bộ Quốc phòng	1.008762	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro đối với quân nhân dự bị; học viên đào tạo quân nhân dự bị; học viên đào tạo sĩ quan dự bị từ 03 tháng trở lên chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Chính sách
83	Bộ Quốc phòng	1.003257	Thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý vùng trời
84	Bộ Tài chính	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
85	Bộ Tài chính	1.009654	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
86	Bộ Tài chính	2.000693	Giải quyết hưởng chế độ thai sản	Bộ Tư pháp (khai sinh, khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thực hiện chính sách BHXH
87	Bộ Tài chính	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
88	Bộ Tài chính	1.007695	Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân - Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Thuế
89	Bộ Tài chính	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư	Đầu tư tại Việt nam

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
						ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	
90	Bộ Tài chính	1.007684	Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Thuế
91	Bộ Tài chính	1.007682	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai)	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Thuế

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
92	Bộ Tài chính	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
93	Bộ Tài chính	1.00977	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
94	Bộ Tài chính	1.009767	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
95	Bộ Tài chính	1.009742	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
96	Bộ Tài chính	1.007674	Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Hợp tác xã; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thuế
97	Bộ Tài chính	1.009634	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Hợp tác xã; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Đầu tư tại Việt nam

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
			chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ			HTX); Tổ chức nước ngoài	
98	Bộ Tài chính	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
99	Bộ Tài chính	1.009766	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
100	Bộ Tài chính	2.000821	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thực hiện chính sách BHXH

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
101	Bộ Tài chính	1.008678	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế. (cấp Chi cục)	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam	Thuế
102	Bộ Tài chính	1.009633	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
103	Bộ Tài chính	2.000762	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Thực hiện chính sách BHXH
104	Bộ Tài chính	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm	Đầu tư tại Việt nam

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
						doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	
105	Bộ Tài chính	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
106	Bộ Tài chính	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
107	Bộ Tài chính	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai
108	Bộ Tài chính	1.009627	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam	Đầu tư tại Việt nam

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
						định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	
109	Bộ Tài chính	1.001656	Thanh toán trực tiếp chi phí khám, chữa bệnh BHYT/Cấp giấy chứng nhận không cùng chi trả trong năm	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Thực hiện chính sách BHYT
110	Bộ Tài chính	1.011019	Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam Doanh nghiệp Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thuế
111	Bộ Tài chính	1.007678	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Thuế
112	Bộ Tài chính	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
113	Bộ Tài chính	1.011024	Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh, Cấp xã	Doanh nghiệp Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) Công dân Việt Nam	Thuế
114	Bộ Tài chính	1.009636	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đầu tư tại Việt nam
115	Bộ Tư pháp	2.00204	Thủ tục đăng ký để được xác định quốc tịch Việt Nam	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Quốc tịch
116	Bộ Tư pháp	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
117	Bộ Tư pháp	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi
118	Bộ Tư pháp	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
119	Bộ Tư pháp	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
120	Bộ Tư pháp	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
121	Bộ Tư pháp	1.00316	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cấp Tỉnh	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi
122	Bộ Tư pháp	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đăng ký biện pháp bảo đảm
123	Bộ Tư pháp	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
124	Bộ Tư pháp	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Bộ Tư pháp (khai sinh), Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
125	Bộ Tư pháp	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
126	Bộ Tư pháp	1.00232	Yêu cầu thi hành án dân sự (Cấp Tỉnh, Cấp xã)	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thi hành án dân sự

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
127	Bộ Tư pháp	1.00011	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
128	Bộ Tư pháp	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Công dân Việt Nam	Hộ tịch
129	Bộ Tư pháp	1.005137	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh), Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam	Quốc tịch
130	Bộ Tư pháp	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Luật sư
131	Bộ Tư pháp	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi
132	Bộ Tư pháp	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cấp Tỉnh	Người nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Nuôi con nuôi
133	Bộ Tư pháp	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn, khai tử)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
134	Bộ Tư pháp	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
135	Bộ Tư pháp	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
136	Bộ Tư pháp	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
137	Bộ Tư pháp	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đăng ký biện pháp bảo đảm
138	Bộ Tư pháp	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
139	Bộ Tư pháp	1.003091	Yêu cầu thi hành án dân sự (cấp tỉnh)	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Thi hành án dân sự
140	Bộ Tư pháp	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Xã	Người nước ngoài	Hộ tịch
141	Bộ Tư pháp	1.002284	Đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế THA (Cấp Tỉnh, Cấp xã)	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Tổ chức (không	Thi hành án dân sự

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
						bao gồm doanh nghiệp, HTX)	
142	Bộ Tư pháp	1.005136	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Bộ Tư pháp (khai sinh), Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Quốc tịch
143	Bộ Tư pháp	1.00252	Đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án (cấp tỉnh)	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) Công dân Việt Nam	Thi hành án dân sự
144	Bộ Tư pháp	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam	Hộ tịch
145	Bộ Tư pháp	2.002039	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Người nước ngoài	Quốc tịch
146	Bộ Tư pháp	1.004757	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Bộ	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Quốc tịch
147	Bộ Tư pháp	1.002548	Đề nghị miễn, giảm phí thi hành án (cấp tỉnh)	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Thi hành án dân sự
148	Bộ Tư pháp	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
149	Bộ Tư pháp	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
150	Bộ Tư pháp	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Công dân Việt Nam	Hộ tịch
151	Bộ Tư pháp	2.002038	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam Người nước ngoài	Quốc tịch
152	Bộ Tư pháp	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
153	Bộ Tư pháp	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
154	Bộ Tư pháp	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
155	Bộ Tư pháp	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
156	Bộ Tư pháp	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Nuôi con nuôi
157	Bộ Tư pháp	1.003213	Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi
158	Bộ Tư pháp	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch
159	Bộ Tư pháp	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
160	Bộ Tư pháp	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Bộ Tư pháp (kết hôn, ly hôn)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch
161	Bộ Tư pháp	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch
162	Bộ Tư pháp	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam	Trợ giúp pháp lý
163	Bộ Tư pháp	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Trợ giúp pháp lý
164	Bộ Tư pháp	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Bộ Tư pháp (khai sinh, kết hôn)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch
165	Bộ Tư pháp	2.002349	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi
166	Bộ Tư pháp	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Luật sư
167	Bộ Tư pháp	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Bộ Tư pháp (khai tử)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Hộ tịch

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
168	Bộ Xây dựng	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam Doanh nghiệp Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng
169	Bộ Xây dựng	1.013236	cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam Doanh nghiệp Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng
170	Bộ Xây dựng	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Nhà ở và công sở

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
171	Bộ Xây dựng	1.01289	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức nước ngoài	Nhà ở và công sở
172	Bộ Xây dựng	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở
173	Bộ Xây dựng	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đường bộ
174	Bộ Xây dựng	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam	Nhà ở và công sở
175	Bộ Xây dựng	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
176	Bộ Xây dựng	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng
177	Bộ Xây dựng	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng Hải
178	Bộ Xây dựng	1.012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở
179	Bộ Xây dựng	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
			giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)				
180	Bộ Xây dựng	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở
181	Bộ Xây dựng	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh, Cấp xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam Doanh nghiệp Hợp tác xã Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng
182	Bộ Xây dựng	1.012895	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam	Nhà ở và công sở
183	Bộ Y tế	1.004596	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam Người Việt Nam định cư ở nước ngoài Cán bộ, công chức, viên chức	Dược phẩm

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
184	Bộ Y tế	1.011797	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giám định y khoa
185	Bộ Y tế	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Trẻ em
186	Bộ Y tế	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Bộ Tư pháp (khai sinh)	Cấp Xã	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội
187	Bộ Y tế	1.0118	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cơ quan khác	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giám định y khoa

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
188	Bộ Y tế	1.004495	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức thi	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Bộ	Công dân Việt Nam Người Việt Nam định cư ở nước ngoài Cán bộ, công chức, viên chức	Dược phẩm
189	Bộ Y tế	1.011799	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cơ quan khác	Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Hợp tác xã; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giám định y khoa
190	Bộ Y tế	2.000291	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Nội vụ và Lao động	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp xã	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội
191	Bộ Y tế	2.000141	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ và Lao động	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất)	Cấp Tỉnh	Công dân Việt Nam Người nước ngoài Người Việt Nam định cư ở nước ngoài Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
192	Bộ Y tế	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Bộ Tư pháp (kết hôn)	Cấp Xã	Cán bộ, công chức, viên chức Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Dân số - Sức khỏe sinh sản
193	Bộ Y tế	1.011798	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cơ quan khác	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài Cán bộ, công chức, viên chức; Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã; Người nước ngoài	Giám định y khoa
194	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.000099	Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cấp Bộ; Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Dịch vụ trong quá trình thực hiện HĐMBĐ
195	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.000002	Cấp điện mới từ lưới điện trung áp (cấp điện áp 6kV, 10kV, 15kV, 22kV, 35kV)	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú); Bộ Nông nghiệp	Cấp Bộ; Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư	Dịch vụ cung cấp điện mới

STT	Cơ quan	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Khai thác dữ liệu để thay thế giấy tờ	Cấp thực hiện	Đối tượng	Lĩnh vực
				và Môi trường (quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)		nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	
196	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.000001	Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V)	Bộ Công an (hộ khẩu/Thông tin cư trú)	Cấp Bộ; Cơ quan khác	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Người nước ngoài; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Dịch vụ cung cấp điện mới



Phụ lục III:
THÔNG KÊ GIẤY TỜ THIẾT YẾU CỦA CÔNG DÂN CẬP NHẬT,
HIỂN THỊ TRÊN VNeID TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Chỉ thị số 24 /CT-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2025)

STT	Tên giấy tờ	Ghi chú
Nhóm 1: Bộ Công an		
1.1. Định danh, cư trú và xuất nhập cảnh		
1	Hộ chiếu phổ thông	
2	Giấy xác nhận thông tin về cư trú	
3	Phiếu lý lịch tư pháp	
1.2. Giao thông vận tải		
4	Giấy phép lái xe	
5	Giấy chứng nhận đăng ký xe	
6	Thông báo xử phạt vi phạm giao thông	
Nhóm 2: Bộ Tài chính		
2.1. Bảo hiểm xã hội và y tế		
7	Sổ bảo hiểm xã hội	
8	Thẻ bảo hiểm y tế	
2.2. Kinh doanh và thuế		
9	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
10	Giấy chứng nhận đăng ký thuế	
Nhóm 3: Bộ Tư pháp		
3.1. Hộ tịch		
11	Giấy khai sinh (đối với trẻ em)	Tích hợp vào VNeID của bố mẹ, người giám hộ
12	Giấy khai sinh (đối với người lớn)	
13	Giấy đăng ký kết hôn	
14	Bản sao trích lục hộ tịch	

STT	Tên giấy tờ	Ghi chú
3.2. Hành nghề pháp lý		
15	Thẻ công chứng viên	
16	Thẻ giám định viên tư pháp	
17	Chứng chỉ hành nghề luật sư	
Nhóm 4: Bộ Giáo dục và Đào tạo		
18	Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông	
19	Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở	
20	Bằng cử nhân/đại học	
21	Bằng thạc sĩ	
22	Bằng tiến sĩ	
23	Giấy công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	
Nhóm 5: Bộ Y tế		
24	Giấy phép hành nghề khám chữa bệnh	
25	Giấy chứng nhận sức khỏe	Từ bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh
26	Sổ khám chữa bệnh điện tử	Từ bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh
27	Sổ tiêm chủng/tiêm phòng	Từ hệ thống tiêm chủng/tiêm phòng
Nhóm 6: Bộ Ngoại giao		
28	Hộ chiếu ngoại giao	
29	Hộ chiếu công vụ	
30	Giấy khai sinh (trẻ em sinh ở nước ngoài, có quốc tịch Việt Nam)	Tích hợp vào VNeID của bố mẹ, người giám hộ
Nhóm 7: Bộ Xây dựng		
31	Giấy chứng nhận đăng kiểm	



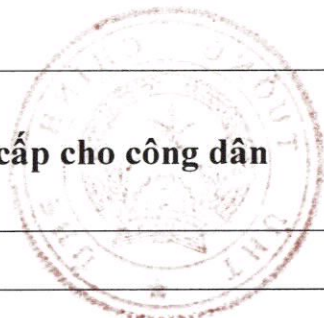
Phụ lục IV:
THÔNG KÊ GIẤY TỜ THIẾT YẾU CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
CẬP NHẬT, HIỂN THỊ TRÊN VNeID TRONG NĂM 2025
(Kèm theo Chỉ thị số 24 /CT-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2025)

STT	Tên giấy tờ	Đối tượng	Ghi chú
Nhóm 1: Bộ Công an			
1	Giấy chứng nhận đăng ký xe	Tổ chức, doanh nghiệp	
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự	Tổ chức, doanh nghiệp	
3	Giấy chứng nhận phòng cháy, chữa cháy	Tổ chức, doanh nghiệp	
Nhóm 2: Bộ Tài chính			
4	Sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế	Tổ chức, doanh nghiệp	
5	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Doanh nghiệp	
6	Giấy chứng nhận đăng ký thuế	Tổ chức, doanh nghiệp	
7	Giấy phép kinh doanh có điều kiện	Tổ chức, doanh nghiệp	
Nhóm 3: Bộ Y tế			
8	Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh	Tổ chức, doanh nghiệp	
Nhóm 4: Bộ Xây dựng			
9	Giấy chứng nhận đăng kiểm	Tổ chức, doanh nghiệp	



Phụ lục V:
THÔNG KÊ GIẤY TỜ CẤP CHO CÔNG DÂN TÍCH HỢP, CẬP NHẬT TRÊN VNEID
(Kèm theo Chỉ thị số **24** /CT-TTg ngày **13** tháng **9** năm 2025)

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
1	Bộ Công an	Lĩnh vực căn cước, định danh, cư trú	Giấy xác nhận thông tin về cư trú	Giấy xác nhận
2	Bộ Công an	Phòng cháy, chữa cháy – cứu nạn, cứu hộ	Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC	Giấy chứng nhận
3	Bộ Công an	Phòng cháy, chữa cháy – cứu nạn, cứu hộ	Thẻ lực lượng PCCC cơ sở, dân phòng	Thẻ
4	Bộ Công an	Phòng cháy, chữa cháy – cứu nạn, cứu hộ	Giấy chứng nhận CNCH	Giấy chứng nhận
5	Bộ Công an	Vũ khí – công cụ hỗ trợ	Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Giấy phép
6	Bộ Công an	Vũ khí – công cụ hỗ trợ	Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Giấy phép
7	Bộ Công an	Xuất nhập cảnh	Hộ chiếu phổ thông	Hộ chiếu
8	Bộ Công an	Xuất nhập cảnh	Thị thực (visa)	Thị thực
9	Bộ Công an	Xuất nhập cảnh	Giấy miễn thị thực	Giấy Miễn thị thực
10	Bộ Công an	Đào tạo, tuyển sinh Công	Văn bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ CAND	Văn bằng



TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
		an nhân dân		
11	Bộ Công an	Quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ	Giấy chứng nhận
12	Bộ Công an	Quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Chứng chỉ sử dụng, quản lý vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ	Chứng chỉ
13	Bộ Công an	Quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Giấy chứng nhận
14	Bộ Công an	Quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Thẻ kiểm soát an ninh hàng không (nội bộ)	Thẻ
15	Bộ Công an	Quản lý phương tiện giao thông đường bộ	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Giấy chứng nhận
16	Bộ Công an	Quản lý phương tiện giao thông đường bộ	Giấy phép lái xe	Giấy phép
17	Bộ Công an	Quản lý phương tiện giao thông đường bộ	Thông báo xử phạt vi phạm giao thông	Thông báo
18	Bộ Công an	Cấp phiếu lý lịch tư pháp	Phiếu lý lịch tư pháp	Phiếu lý lịch tư pháp

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
19	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	An toàn vệ sinh lao động	Chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương	Chứng chỉ
20	Bộ Công thương	Điện	Giấy phép hoạt động phát điện	Giấy phép
21	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Điện lực	Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Giấy phép
22	Bộ Công thương	Hóa chất	Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Giấy phép
23	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Hóa chất	Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Giấy phép
24	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Giấy chứng nhận
25	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
26	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Giấy chứng nhận
27	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Giấy chứng nhận
28	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Giấy chứng nhận
29	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Giấy phép
30	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Giấy phép
31	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Giấy phép
32	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ	Giấy phép

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
33	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô	Giấy chứng nhận
34	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia	Giấy phép
35	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Giấy phép
36	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia	Giấy phép
37	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Giấy chứng nhận
38	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	Giấy chứng nhận
39	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh là vật liệu nổ công nghiệp của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Giấy phép

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
40	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Giấy phép
41	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	Giấy phép
42	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan	Giấy phép
43	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục	Giấy phép
44	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Giấy phép
45	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
46	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục khác	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Giấy chứng nhận
47	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục đại học	Bằng tiến sĩ	Văn bằng
48	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục đại học	Bằng Thạc sỹ, cử nhân	Văn bằng
49	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng	Giấy chứng nhận
50	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia	Thẻ
51	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Kiểm định chất lượng giáo dục	Thẻ Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	Thẻ
52	Bộ Giáo dục và Đào tạo	giáo dục nghề nghiệp	Chứng chỉ nghề quốc gia	Chứng chỉ
53	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhóm thông tin chung	Giấy phép hoạt động sản xuất, kinh doanh/Chứng chỉ hành nghề	Giấy phép
54	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Chấm dứt hoạt động cơ sở bức xạ	Giấy phép
55	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ	Giấy phép

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
56	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đo liều chiếu xạ cá nhân	Giấy đăng ký
57	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đào tạo an toàn bức xạ; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Chứng chỉ
58	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	Giấy đăng ký
59	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Chứng chỉ nhân viên bức xạ	Chứng chỉ
60	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở hữu trí tuệ	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Chứng chỉ
61	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở hữu trí tuệ	Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Thẻ
62	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở hữu trí tuệ	Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận
63	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tần số vô tuyến điện	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu	Giấy phép

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
64	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tần số vô tuyến điện	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh	Giấy phép
65	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Giấy xác nhận
66	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Giấy xác nhận
67	Bộ Nội vụ	An toàn, vệ sinh lao động	Chứng chỉ kiểm định viên	Chứng chỉ
68	Bộ Nội vụ	Người có công	Giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	Giấy xác nhận
69	Bộ Nội vụ	Người có công	Giấy xác nhận Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Giấy xác nhận
70	Bộ Nội vụ	Người có công	Bằng “Tổ quốc ghi công”	Văn bằng

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
71	Bộ Nội vụ	Người có công	Giấy xác nhận Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Giấy xác nhận
72	Bộ Nội vụ	Người có công	Giấy xác nhận Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Giấy xác nhận
73	Bộ Nội vụ	Người có công	Giấy xác nhận thân nhân của người có công	Giấy xác nhận
74	Bộ Nội vụ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ QUỸ	Giấy phép
75	Bộ Nội vụ	Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Chứng chỉ hành nghề lưu trữ	Chứng chỉ
76	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Giấy chứng nhận
77	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận
78	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
79	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Giấy chứng nhận
80	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	Giấy chứng nhận
81	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận
82	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Giấy chứng nhận
83	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Giấy chứng nhận
84	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Giấy chứng nhận
85	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận
86	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và khoáng sản	Giấy phép thăm dò khoáng sản	Giấy phép

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
87	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và khoáng sản	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Giấy phép
88	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ	Chứng chỉ
89	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Khí tượng, thủy văn	Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Giấy phép
90	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Môi trường	Giấy phép môi trường	Giấy phép
91	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Tài nguyên nước	Giấy phép khai thác nước mặt, nước biển.	Giấy phép
92	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Giấy chứng nhận
93	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Giấy chứng nhận
94	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y	Giấy chứng nhận
95	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt	Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
96	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trồng trọt	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Chứng chỉ
97	Bộ Ngoại giao	Công tác lãnh sự	Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử)	Hộ chiếu
98	Bộ Ngoại giao	Công tác lãnh sự	Hộ chiếu phổ thông (không gắn chip điện tử)	Hộ chiếu
99	Bộ Ngoại giao	Hộ tịch	Bản sao trích lục giấy tờ hộ tịch	Giấy trích lục
100	Bộ Ngoại giao	Hộ tịch	Giấy khai sinh cấp cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam	Giấy khai sinh
101	Bộ Ngoại giao	Hộ tịch	Giấy khai tử cho công dân Việt Nam ở nước ngoài	Giấy khai tử
102	Bộ Ngoại giao	Hộ tịch	Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trong thời gian cư trú ở nước ngoài	Giấy xác nhận
103	Bộ Ngoại giao	Miễn thị thực	Giấy miễn thị thực	Giấy Miễn thị thực
104	Bộ Ngoại giao	Quốc tịch	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Giấy xác nhận
105	Bộ Quốc phòng	Chính sách	Giấy xác nhận bệnh binh đối với quân nhân đang tại ngũ	Giấy xác nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
106	Bộ Quốc phòng	Chính sách	Giấy chứng nhận thương binh đối với thương binh đang tại ngũ, công tác	Giấy chứng nhận
107	Bộ Quốc phòng	Khám bệnh, chữa bệnh	Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.	Giấy phép
108	Bộ Tài chính	Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Sổ bảo hiểm xã hội	Sổ
109	Bộ Tài chính	Cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Thẻ BHYT	Thẻ
110	Bộ Tài chính	Đầu tư từ Việt nam ra nước ngoài	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và có vốn đầu tư dưới 20 tỷ VNĐ	Giấy chứng nhận
111	Bộ Tài chính	Đấu thầu	Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Chứng chỉ
112	Bộ Tài chính	Kế toán, kiểm toán	Chứng chỉ kiểm toán viên	Chứng chỉ
113	Bộ Tài chính	Kế toán, kiểm toán	Chứng chỉ kế toán viên	Chứng chỉ
114	Bộ Tài chính	Quản lý giá	Thẻ thẩm định viên về giá	Thẻ
115	Bộ Tài chính	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
116	Bộ Tài chính	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	Giấy phép
117	Bộ Tài chính	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Giấy chứng nhận
118	Bộ Tài chính	Thuế	Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế	Giấy chứng nhận
119	Bộ Tư pháp	Bán đấu giá tài sản	Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Chứng chỉ
120	Bộ Tư pháp	Công chứng	Thẻ công chứng viên	Thẻ
121	Bộ Tư pháp	Giám định tư pháp	Thẻ giám định viên tư pháp	Thẻ
122	Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Giấy phép
123	Bộ Tư pháp	Hộ tịch	Giấy khai tử	Giấy khai tử
124	Bộ Tư pháp	Hộ tịch	Giấy đăng ký kết hôn	Giấy đăng ký kết hôn
125	Bộ Tư pháp	Hộ tịch	Giấy khai sinh	Giấy khai sinh
126	Bộ Tư pháp	Luật sư	Chứng chỉ hành nghề luật sư	Chứng chỉ

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
127	Bộ Tư pháp	Nuôi con nuôi	Giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Giấy xác nhận
128	Bộ Tư pháp	Nuôi con nuôi	Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Giấy xác nhận
129	Bộ Tư pháp	Tư vấn pháp luật	Thẻ tư vấn viên pháp luật	Thẻ
130	Bộ Tư pháp	Thừa phát lại	Thẻ Thừa phát lại	Thẻ
131	Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	Giấy đăng ký
132	Bộ Tư pháp	Trợ giúp pháp lý	Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Thẻ
133	Bộ Tư pháp	Quản tài viên	Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Chứng chỉ
134	Bộ Tư pháp	Quốc tịch	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Giấy xác nhận
135	Bộ Tư pháp	Quốc tịch	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Giấy xác nhận
136	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bản quyền tác giả	Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
137	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Lĩnh vực bản quyền tác giả	Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	Thẻ
138	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bản quyền tác giả	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả	Giấy chứng nhận
139	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Di sản văn hóa	Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Chứng chỉ
140	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Di sản văn hóa	Chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Chứng chỉ
141	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Du lịch	Thẻ hướng dẫn viên du lịch	Thẻ
142	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo chí	Thẻ nhà báo	Thẻ
143	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Giấy chứng nhận
144	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Xuất Bản, In và Phát hành	Chứng chỉ hành nghề biên tập	Chứng chỉ
145	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
			cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển	
146	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận thợ hàn	Giấy chứng nhận
147	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	Giấy chứng nhận
148	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Giấy chứng nhận
149	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Giấy chứng nhận
150	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình biển)	Giấy chứng nhận

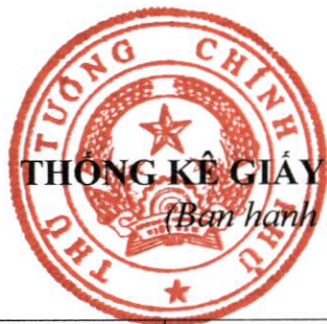
TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
151	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình biển)	Giấy chứng nhận
152	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải	Giấy chứng nhận
153	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Giấy chứng nhận
154	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	Giấy chứng nhận
155	Bộ Xây dựng	Đăng kiểm	Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới	Chứng chỉ
156	Bộ Xây dựng	Đường bộ	Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Giấy phép

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
157	Bộ Xây dựng	Đường bộ	Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Giấy phép
158	Bộ Xây dựng	Đường bộ	Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Chứng chỉ
159	Bộ Xây dựng	Đường bộ	Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Giấy chứng nhận
160	Bộ Xây dựng	Đường bộ	Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Giấy phép
161	Bộ Xây dựng	Đường bộ	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Giấy phép
162	Bộ Xây dựng	Đường bộ	Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Giấy phép
163	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Giấy chứng nhận
164	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	Giấy chứng nhận
165	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
166	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	Giấy chứng nhận
167	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp	Giấy chứng nhận
168	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Giấy chứng nhận
169	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Giấy chứng nhận
170	Bộ Xây dựng	Hàng hải và đường thủy	Giấy phép vận tải qua biên giới	Giấy phép
171	Bộ Xây dựng	Hàng không	Giấy chứng nhận thành viên tổ bay	Giấy chứng nhận
172	Bộ Xây dựng	Hàng không	Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	
173	Bộ Xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Chứng chỉ
174	Bộ Xây dựng	Kinh doanh bất động sản	Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động	Chứng chỉ

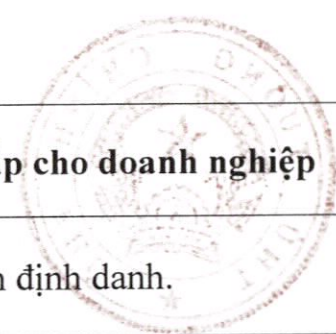
TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
			sản.	
175	Bộ Xây dựng	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Chứng chỉ
176	Bộ Xây dựng	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Giấy chứng nhận
177	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Bảo trợ xã hội	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Giấy chứng nhận
178	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	Giấy chứng sinh	Giấy chứng sinh
179	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Dược phẩm	Chứng chỉ hành nghề dược	Chứng chỉ
180	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Khám bệnh, chữa bệnh	Giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Giấy phép

TT	Bộ, ngành, địa phương quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho công dân	Loại giấy tờ
181	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Khám bệnh, chữa bệnh	Giấy phép hành nghề	Giấy phép
182	Bộ Tài chính	Khám bệnh, chữa bệnh	Thẻ bảo hiểm y tế	Thẻ
183	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Y Dược cổ truyền	Giấy chứng nhận lương y	Giấy chứng nhận
184	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Giấy chuyển tuyến	Giấy chuyển tuyến
185	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Giấy ra viện	Giấy ra viện
186	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hoạt động ngoại hối	Giấy phép mang vàng khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài	Giấy phép
187	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hoạt động ngoại hối	Giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia	Giấy phép
188	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hoạt động ngoại hối	Giấy phép mang tiền của nước có chung biên giới và đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài	Giấy phép



Phụ lục VI:
THÔNG KÊ GIẤY TỜ CẤP CHO TỔ CHỨC TÍCH HỢP, CẬP NHẬT TRÊN VNeID
(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 24 /CT-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2025)

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
1	Bộ Công an	Bảo đảm an ninh hàng không	Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn	Thẻ
2	Bộ Công an	Bảo đảm an ninh hàng không	Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn	Giấy phép
3	Bộ Công an	Bảo đảm an ninh hàng không	Giấy phép, năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.	Giấy phép
4	Bộ Công an	Bảo đảm an ninh hàng không	Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn	Thẻ
5	Bộ Công an	Bảo đảm an ninh hàng không	Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn	Giấy phép
6	Bộ Công an	Bảo đảm an ninh hàng không	Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.	Giấy phép
7	Bộ Công an	Bảo đảm an ninh hàng không	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên an ninh hàng không	Giấy chứng nhận
8	Bộ Công an	Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng	Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng.	Giấy phép



TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
9	Bộ Công an	Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng	Giấy chứng nhận tên định danh.	Giấy chứng nhận
10	Bộ Công an	Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng	Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.	Giấy phép
11	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý con dấu	Con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu	Giấy chứng nhận
12	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý con dấu	Giấy phép sử dụng con dấu đối với tổ chức không thuộc cơ quan nhà nước	Giấy phép
13	Bộ Công an	Kinh doanh có điều kiện	Giấy phép hoạt động dịch vụ bảo vệ	Giấy phép
14	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng	Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời; Biển số xe tạm thời	Giấy chứng nhận
15	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng	Giấy phép hoạt động phương tiện giao thông thông minh	Giấy phép
16	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng	Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe; Giấy chứng nhận đăng ký xe.	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
17	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng	Giấy chứng nhận đăng ký xe; Biển số xe	Giấy chứng nhận
18	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng	Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe	Giấy chứng nhận
19	Bộ Công an	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, xe máy chuyên dùng	Giấy chứng nhận đăng ký xe.	Giấy chứng nhận
20	Bộ Công an	Định danh và xác thực điện tử	Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử (XT03 - ND69.2024)	Giấy xác nhận
21	Bộ Công an	Phòng cháy, chữa cháy	Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (Mẫu số PC 05); Biểu trưng hàng hoá nguy hiểm về cháy, nổ	Giấy phép
22	Bộ Công an	Phòng cháy, chữa cháy	Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Giấy xác nhận
23	Bộ Công an	Phòng cháy, chữa cháy	Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số PC35)	Giấy chứng nhận
24	Bộ Công an	Phòng cháy, chữa cháy	Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
25	Bộ Công an	Quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự	Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự	Giấy chứng nhận
26	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ	Giấy phép
27	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ	Giấy phép
28	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ	Giấy phép
29	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép trang bị vũ khí thể thao	Giấy phép
30	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép mua vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao	Giấy phép
31	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép mua công cụ hỗ trợ	Giấy phép
32	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Giấy phép
33	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
34	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ và thiết bị, phụ kiện bắn pháo hoa nổ	Giấy phép
35	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao	Giấy phép
36	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép mua pháo hoa	Giấy phép
37	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	Giấy phép
38	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí	Giấy phép
39	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ	Giấy phép
40	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ	Giấy phép
41	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép vận chuyển pháo hoa	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
42	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ	Giấy phép
43	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu pháo hoa, thuốc pháo hoa	Giấy phép
44	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ	Giấy phép
45	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ ra, vào lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Giấy phép
46	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; Chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	Giấy chứng nhận
47	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng	Giấy phép
48	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp	Giấy phép
49	Bộ Công an	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
50	Bộ Công an	Quản lý xuất nhập cảnh	Thị thực điện tử	Thị thực
51	Bộ Công an	Quản lý xuất nhập cảnh	Thẻ ABTC (thẻ cứng hoặc thẻ điện tử).	Thẻ
52	Bộ Công an	Quản lý xuất nhập cảnh	Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia	Giấy thông hành
53	Bộ Công an	Quản lý xuất nhập cảnh	Giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới	Giấy phép
54	Bộ Công an	Quản lý xuất nhập cảnh	Giấy thông hành biên giới Việt Nam – Lào	Giấy thông hành
55	Bộ Công an	Quản lý xuất nhập cảnh	Thẻ tạm trú	Thẻ
56	Bộ Công an	Sát hạch, cấp giấy phép lái xe	Giấy phép sát hạch	Giấy phép
57	Bộ Công an	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện	Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy	Giấy phép
58	Bộ Công thương	Công nghiệp nặng	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô	Giấy chứng nhận
59	Bộ Công thương	Công nghiệp nặng	Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển	Giấy xác nhận
60	Bộ Công thương	Công nghiệp tiêu dùng	Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
61	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Công nghiệp tiêu dùng	Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Giấy phép
62	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Công nghiệp tiêu dùng	Giấy phép nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Giấy phép
63	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Công nghiệp tiêu dùng	Giấy phép nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Giấy phép
64	Bộ Công thương	Điện	Giấy phép hoạt động điện lực	Giấy phép
65	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Kinh doanh khí	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG	Giấy chứng nhận
66	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Kinh doanh khí	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG	Giấy chứng nhận
67	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Kinh doanh khí	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Giấy chứng nhận
68	Bộ Công thương	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu	Giấy xác nhận
69	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
70	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Giấy phép
71	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Giấy xác nhận
72	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Giấy phép
73	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Giấy phép
74	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Giấy phép
75	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Giấy phép
76	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Giấy phép
77	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Giấy phép
78	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy phép phân phối rượu	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
79	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy phép bán lẻ rượu	Giấy phép
80	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Lưu thông hàng hóa trong nước	Giấy phép bán buôn rượu	Giấy phép
81	Bộ Công thương	Quản lý bán hàng đa cấp	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	Giấy phép
82	Bộ Công thương	Sở giao dịch hàng hóa	Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa	Giấy phép
83	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định của Bộ Công Thương	Giấy chứng nhận
84	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận/ thử nghiệm/giám định/kiểm định	Giấy chứng nhận
85	Bộ Công thương	Thương mại quốc tế	Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Giấy phép
86	Bộ Công thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp	Giấy phép
87	Bộ Công thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy phép dịch vụ nổ mìn	Giấy phép
88	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
89	Bộ Công thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.	Giấy chứng nhận
90	Bộ Công thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp	Giấy phép
91	Bộ Công thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Giấy phép
92	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ của Bộ Công Thương	Giấy chứng nhận
93	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp	Giấy chứng nhận
94	Bộ Công thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.	Giấy phép
95	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	Giấy phép
96	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia	Giấy phép
97	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	giấy phép gia công hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
98	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan	Giấy phép
99	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Xuất nhập khẩu	Giấy phép tạm nhập tái xuất theo hình thức khác	Giấy phép
100	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang	Giấy phép
101	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo	Giấy chứng nhận
102	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh hàng hóa của Công hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam	Giấy phép
103	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa	Giấy chứng nhận
104	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô	Giấy phép
105	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô	Giấy chứng nhận
106	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA	Giấy chứng nhận
107	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
108	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Xuất nhập khẩu	Giấy phép tạm xuất tái nhập	Giấy phép
109	Bộ Công thương	Xuất nhập khẩu	Giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý	Giấy phép
110	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục khác	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Giấy chứng nhận
111	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục mầm non	Quyết định cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục; Quyết định sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Quyết định
112	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	Giấy chứng nhận
113	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Quyết định
114	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định cho phép đổi tên trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.	Quyết định
115	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
116	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	Giấy chứng nhận
117	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định cho phép thành lập trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.	Quyết định
118	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Quyết định
119	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định cho phép giải thể trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; Quyết định cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.	Quyết định
120	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định cho phép thành lập trường cao đẳng tự thực hoạt động không vì lợi nhuận.	Quyết định
121	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận
122	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Quyết định

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
123	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định thành lập trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường cao đẳng sư phạm tư thục của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định
124	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Giấy chứng nhận
125	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục tiểu học	Quyết định cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục; Quyết định sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Quyết định
126	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục tiểu học	Quyết định thành lập trường tiểu học công lập hoặc Quyết định cho phép thành lập trường tiểu học tư thục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quyết định
127	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Quyết định phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Quyết định
128	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Quyết định gia hạn, điều chỉnh liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ	Quyết định
129	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Quyết định gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết đào tạo của cấp có thẩm quyền	Quyết định

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
130	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Quyết định phê duyệt liên kết	Quyết định
131	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Quyết định
132	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Quyết định phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài	Quyết định
133	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	Quyết định cho phép hoạt động giáo dục trở lại của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định
134	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Kiểm định chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục đại học	Giấy chứng nhận
135	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ	Giấy công nhận văn bằng (đối với bằng bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam)	Giấy công nhận
136	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Chứng chỉ nhân viên bức xạ.	Chứng chỉ
137	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
138	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Xuất khẩu nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân.	Giấy phép
139	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Vận chuyển quá cảnh chất phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân.	Giấy phép
140	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Không quy định kết quả	Không quy định
141	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Chấm dứt hoạt động cơ sở bức xạ.	Giấy phép
142	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Văn bản trả lời cho phép hoặc không cho phép nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin	Văn bản trả lời
143	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Vận hành thiết bị chiếu xạ.	Giấy phép
144	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị bức xạ (trừ thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	Giấy phép
145	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sửa đổi).	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
146	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (gia hạn).	Giấy phép
147	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	Giấy chứng nhận
148	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy	Giấy phép
149	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (cấp lại).	Giấy phép
150	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Đóng gói, vận chuyển nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân	Giấy phép
151	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Xây dựng cơ sở bức xạ.	Giấy phép
152	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X quang chẩn đoán y tế	Giấy phép
153	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
154	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Nhập khẩu nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân.	Giấy phép
155	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng nguồn phóng xạ	Giấy phép
156	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.	Quyết định
157	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (bổ sung).	Giấy phép
158	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.	Giấy phép
159	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Văn bản công nhận áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn	Văn bản công nhận
160	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Lưu giữ tạm thời nguồn phóng xạ	Giấy phép
161	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy xác nhận khai báo	Giấy xác nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
162	Bộ Khoa học và Công nghệ	An toàn bức xạ và hạt nhân	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sản xuất, chế biến chất phóng xạ	Giấy phép
163	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bưu chính	Giấy phép bưu chính	Giấy phép
164	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Giấy chứng nhận
165	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Giấy chứng nhận
166	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận
167	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ	Giấy chứng nhận
168	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Giấy chứng nhận
169	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy phép chuyển giao công nghệ	Giấy phép chuyển
170	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
171	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Giấy chứng nhận
172	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở hữu trí tuệ	Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận
173	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tần số vô tuyến điện	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1a ban hành tại Phụ lục II của Nghị định 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023)	Giấy phép
174	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tần số vô tuyến điện	Giấy phép sử dụng băng tần	Giấy phép
175	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tần số vô tuyến điện	Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh (Mẫu 3a, 3b Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP)	Giấy phép
176	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận	Giấy chứng nhận
177	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn	Giấy chứng nhận
178	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
179	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Giấy chứng nhận
180	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	Giấy chứng nhận
181	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Giấy chứng nhận
182	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế xăng dầu.	Giấy chứng nhận
183	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Giấy chứng nhận
184	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch	Giấy chứng nhận
185	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Giấy chứng nhận
186	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
187	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Giấy phép
188	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng	Giấy phép
189	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy chứng nhận kiểm định	Giấy chứng nhận
190	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Giấy phép
191	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Giấy phép
192	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy chứng nhận đăng ký tên miền	Giấy chứng nhận
193	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viễn thông và Internet	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng	Giấy phép
194	Bộ Nội vụ	An toàn, vệ sinh lao động	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Giấy chứng nhận
195	Bộ Nội vụ	An toàn, vệ sinh lao động	Quyết định và giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hoặc văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	Quyết định

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
196	Bộ Nội vụ	An toàn, vệ sinh lao động	Giấy xác nhận khai báo sử dụng, máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Giấy xác nhận
197	Bộ Tài chính	Bảo hiểm xã hội	Sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận bổ sung thời gian công tác trong sổ bảo hiểm xã hội của người lao động.	Sổ bảo hiểm, giấy xác nhận
198	Bộ Tài chính	Bảo hiểm xã hội	Sổ Bảo hiểm xã hội	Sổ Bảo hiểm
199	Bộ Tài chính	Bảo hiểm xã hội	Danh sách giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe	Danh sách theo Mẫu 01B-HSB
200	Bộ Tài chính	Bảo hiểm xã hội	Quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng.	Quyết định
201	Bộ Tài chính	Hải quan	Giấy thông hành/Chứng minh thư biên giới để xác định	Giấy thông hành
202	Bộ Nội vụ	Lao động	Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Giấy phép
203	Bộ Nội vụ	Quản lý lao động ngoài nước	Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Giấy phép
204	Bộ Nội vụ	Việc làm	Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.	Giấy phép
205	Bộ Nội vụ	Việc làm	Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài.	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
206	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Giấy chứng nhận an toàn sinh học	Giấy chứng nhận
207	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Quyết định
208	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Giấy chứng nhận
209	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Giấy phép
210	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Giấy phép
211	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Giấy phép
212	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.	Giấy phép
213	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
214	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Giấy chứng nhận
215	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu	Chứng nhận kiểm
216	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu	Giấy phép
217	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy phép nhập khẩu thuốc Bảo vệ thực vật	Giấy phép
218	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	Giấy chứng nhận
219	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa.	Giấy chứng nhận
220	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Giấy chứng nhận
221	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy phép nhập khẩu phân bón	Giấy phép
222	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
223	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Giấy chứng nhận
224	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi	Giấy phép
225	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Giấy chứng nhận
226	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.	Giấy chứng nhận
227	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Giấy phép
228	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành	Quyết định giải
229	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng
230	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	Quyết định gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Quyết định
231	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	Giấy chứng nhận đã xác nhận thay đổi hoặc Giấy chứng nhận mới cấp; Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
232	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư; Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Quyết định
233	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và khoáng sản	Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Giấy phép
234	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và khoáng sản	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Giấy phép
235	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và khoáng sản	Giấy phép khai thác khoáng sản.	Giấy phép
236	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Địa chất và khoáng sản	Giấy phép thăm dò khoáng sản chuẩn hóa	Giấy phép
237	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Giấy phép
238	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp	Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Giấy phép
239	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Môi trường	Giấy phép môi trường (Quy định tại Thông tư số 02/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại mẫu số 40 Phụ lục II Phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
240	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	Giấy chứng nhận
241	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Giấy chứng nhận
242	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y	Giấy chứng nhận
243	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Chứng chỉ hành nghề thú y	Chứng chỉ
244	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận kiểm dịch	Giấy chứng nhận
245	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Giấy chứng nhận
246	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thú y	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu	Giấy chứng nhận
247	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy lợi	Giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Giấy phép
248	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy lợi	Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
249	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Giấy chứng nhận
250	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản	Giấy cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.	Giấy phép
251	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản	giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Giấy chứng nhận
252	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Giấy chứng nhận
253	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủy sản	giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Giấy chứng nhận
254	Bộ Ngoại giao	Công tác lãnh sự	Thị thực nhập cảnh Việt Nam; Thị thực nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài (cấp tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài)	Thị thực
255	Bộ Ngoại giao	Hồi hương	Giấy cấp phép nhập cảnh thi hải, hải cốt, tro cốt	Giấy phép
256	Ban Cơ yếu Chính phủ	Mật mã dân sự	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự	Giấy phép
257	Ban Cơ yếu Chính phủ	Mật mã dân sự	Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
258	Bộ Quốc phòng	Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Giấy phép
259	Bộ Quốc phòng	Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Giấy chứng nhận
260	Bộ Tài chính	Bảo hiểm	Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức bảo hiểm tương hỗ	Giấy phép
261	Bộ Tài chính	Bảo hiểm	Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam	Giấy phép
262	Bộ Tài chính	Đăng ký Doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận
263	Bộ Tài chính	Đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Giấy chứng nhận
264	Bộ Tài chính	Đăng ký Doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện	Giấy chứng nhận
265	Bộ Tài chính	Đầu tư tại Việt nam	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Giấy chứng nhận
266	Bộ Tài chính	Đầu tư từ Việt nam ra nước ngoài	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và có vốn đầu tư dưới 20 tỷ	Giấy chứng nhận

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
267	Bộ Tài chính	Kế toán, kiểm toán	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới.	Giấy chứng nhận
268	Bộ Tài chính	Kế toán, kiểm toán	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.	Giấy chứng nhận
269	Bộ Tài chính	Kế toán, kiểm toán	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.	Giấy chứng nhận
270	Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Giấy chứng nhận
271	Bộ Tài chính	Quản lý giá	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	Giấy chứng nhận
272	Bộ Tài chính	Tài chính ngân hàng	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino	Giấy chứng nhận
273	Bộ Tài chính	Thu BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, BNN	Sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Báo cáo tình hình sử dụng lao động	Sổ bảo hiểm, thẻ bảo hiểm, báo cáo
274	Bộ Tài chính	Thuế	Giấy chứng nhận đăng ký thuế/Thông báo mã số thuế	Giấy chứng nhận, Thông báo
275	Bộ Tài chính	Thực hiện chính sách BHYT	Hợp đồng khám, chữa bệnh BHYT	Hợp đồng

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
276	Bộ Tài chính	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Giấy chứng nhận
277	Bộ Tư pháp	Chứng thực	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực	Hợp đồng
278	Bộ Tư pháp	Chứng thực	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực	Văn bản thỏa thuận
279	Bộ Tư pháp	Chứng thực	Bản sao hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Hợp đồng
280	Bộ Tư pháp	Giám định tư pháp	Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Giấy đăng ký
281	Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Giấy phép
282	Bộ Tư pháp	Luật sư	Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất	Giấy đăng ký
283	Bộ Tư pháp	Luật sư	Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi	Giấy đăng ký
284	Bộ Tư pháp	Luật sư	Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Giấy phép
285	Bộ Tư pháp	Luật sư	Giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam	Giấy phép
286	Bộ Tư pháp	Luật sư	Giấy phép thành lập công ty luật nước ngoài	Giấy phép

TT	Bộ, ngành quản lý việc cấp giấy tờ	Lĩnh vực	Tên giấy tờ cấp cho doanh nghiệp	Loại giấy tờ
287	Bộ Tư pháp	Luật sư	Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập	Giấy đăng ký
288	Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Giấy đăng ký
289	Bộ Tư pháp	Trợ giúp pháp lý	Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Giấy đăng ký
290	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bản quyền tác giả	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả	Giấy chứng nhận
291	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo chí	Giấy phép xuất bản bản tin	Giấy phép
292	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo chí	Giấy phép xuất bản đặc san	Giấy phép
293	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Di sản văn hóa	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Giấy chứng nhận
294	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Di sản văn hóa	Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Giấy phép
295	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Di sản văn hóa	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Giấy chứng nhận